TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐĂK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **12**/2022/HS-ST
Ngày 19 - 04 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Hồ Quang Hiển

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Vi Thế Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Thơm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/HSST ngày 15 tháng 03 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 03 năm 2022, theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 43/2022/HSST-QĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn H**; sinh năm 1999, tại tỉnh Đăk Nông; nơi cư trú: thôn Nam Th, xã Nam Đ, huyện Krông Nô; trình độ văn hoá: 08/10; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Văn X và bà Lồ Thị H; bị cáo chưa có vợ con. tiền án: Không; tiền sự: 01: Ngày 19/6/2020 bị Công an huyện Krông Nô xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi đánh nhau, đã nộp phạt ngày 23/11/2021; Nhân thân: Ngày 05/4/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xử phạt 07 tháng tù về tội đánh bạc. Bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2021 đến nay – Có mặt.

2. **Nguyễn Thế N**, sinh ngày 21/02/2003, tại tỉnh: Đăk Nông; trú tại: Thôn Nam Th, xã Nam Đ, huyện Krông Nô; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế H và bà Trần Thị Tr; tiền án: Không; tiền sự: 01, ngày 04/8/2021 bị Công an xã Nam Đà xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng về hành vi đánh nhau theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 31/QĐ-XPVPHC, đã nộp phạt ngày 08/2/2022. Bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2022 đến nay - Có mặt

3. **Nguyễn Châu Đ**, sinh ngày 04/03/2001, tại tỉnh: Đăk Nông; trú tại: Thôn Nam T, xã N, huyện Krông Nô; nghề nghiệp: Làm nông; rình độ văn hóa 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Nguyễn L (đã chết) và bà Châu Thị Th, sinh năm: 1969; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại - Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Trần Anh L sinh năm 1959; trú tại: Thôn Nam H, xã N, huyện Krông Nô - có mặt.

- *Người có quyền lợi nhĩa vụ liên quan*:

+ Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1968; trú tại Thôn Nam Th, xã Nam Đ, huyện Krông Nô - có mặt.

+ Ông Trần Văn N, sinh năm 2001; trú tại Thôn Nam H, xã N, huyện Krông Nô - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 11/2021 ông Trần Anh L thuê Nguyễn Văn H sấy cà phê khoán tại nhà ở Thôn Nam H, xã N, huyện Krông Nô. Sau đó H thuê thêm Nguyễn Châu Đ, Nguyễn Thế N và Trần Văn N để cùng làm với mình. Vào khoảng 19 giờ ngày 06/12/2021 H nhắn tin cho Trần Văn N bằng ứng dụng trên facebook nói Văn N vác cho H mấy bao cà phê nhân nhưng nghĩ rằng đó là trộm cắp tài sản nên Văn N không đồng ý, sau đó H gọi điện thoại cho Nguyễn Thế N nói: "Em san cà ra bao nhỏ cho dễ vác, rồi vác ra để ở gốc cây xoài bên hông lò sấy", thì Thế N hiểu là H muốn trộm cắp cà phê nhân của ông L nên trả lời: "Dạ, khi nào xong em gọi cho anh". Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 06/12/2021 khi Đ, Văn N, Thế N đang xay cà phê nhân thì ông L ra kiểm tra phát hiện sấy cà phê chưa đủ độ khô nên ông L yêu cầu dừng lại, rồi Thế N và Đ đi ngủ còn Văn N tiếp tục đổ trấu vào lò sấy. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 07/12/2021, Thế N gọi Đ dậy và nói: "Khiêng hộ tao bao cà", trong lúc khiêng Đ có hỏi: "Khiêng để làm gì vậy?" thì Thế N không trả lời. Sau khi Đ và Thế N khiêng 02 (hai) bao cà phê nhân ra gốc cây xoài thì Thế N gọi điện thoại và báo cho H biết. Lúc này H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 48F6-9031 đi từ nhà tại thôn Nam Th, xã Nam Đ, huyện Krông Nô đến gần khu vực lò sấy nhà ông L, để xe ở phía ngoài rồi đi bộ đến gốc cây xoài thì thấy 02 (hai) bao cà phê Thế N và Đ đã để sẵn ở đó, H vác 02 (hai) bao ra xe rồi chở về nhà. Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 07/12/2021 ông L ra kiểm tra phát hiện mất cà phê nên đã tra hỏi thì Thế N gọi điện thoại cho H chở cà phê vào trả cho ông L. Đến khoảng 09 giờ sáng cùng ngày, H chở 02 (hai) bao cà phê vào trả cho ông L. Ngày 08/12/2021 ông Trần Anh L có đơn trình báo gửi đến Công an xã Nâm N'Đir về việc bị mất trộm cà phê. Công an xã Nâm N'Đir đã tiếp nhận tin báo và tiến hành kiểm tra trọng lượng và độ ẩm của số cà phê nhân mà H, Thế N và Đ đã trộm cắp, xác định: tổng trọng lượng 02 (hai) bao cà phê nhân là 114,2 kg, độ ẩm là 24,4 độ.

Ngày 10/12/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô tiếp nhận tin báo tội phạm của Công an xã Nâm N'Đir về việc các đối tượng H, Thế N và Đ đã trộm cắp cà phê của ông Trần Anh L vào đêm 07/12/2021.

Ngày 10/12/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Krông Nô tiến hành định giá trọng lượng 02 (hai) bao cà phê nhân là 114,2 kg, độ ẩm là 24,4 độ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐG ngày 13/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Nô xác định giá trị của số cà phê nhân 114,2 kg, độ ẩm là 24,4 độ, bị trộm cắp vào ngày 07/12/2021 là: 3.888.550 đồng.

Ngày 13/12/2021 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Krông Nô đã ra quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế N. Ngày 18/01/2022 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Krông Nô đã ra quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Châu Đ về tội trộm cắp tài sản.

Vật chứng vụ án: Công an xã Nâm N'đir và Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô đã thu giữ:

+ 02 (hai) bao cà phê nhân khô, có trọng lượng 114,2 kg, được đựng trong 02 bao màu xanh, cột miệng bằng dây nhựa màu xanh;

+ 01 (một) điện thoại di động màu xám đen, hiệu Nokia, số IMEI: 356245/04/626411/6, bên trong có SIM số 0397571889 (điện thoại của Nguyễn Thế N);

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia, số IMEI 1: 351288859153195, IMEI 2: 351288859653194, bên trong có SIM số 0385743132 (điện thoại của Nguyễn Văn H);

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 48F6-9031 quá trình điều tra xác định được đây là tài sản của gia đình ông Nguyễn Văn X (bố của Nguyễn Văn H), việc H sử dụng chiếc xe vào mục đích trộm cắp tài sản, gia đình không biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô không thu giữ chiếc xe trên.

Tại bản Cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 15/03/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế N, Nguyễn Châu Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô và thừa nhận Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô khẳng định việc truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế N, Nguyễn Châu Đ ra trước Tòa án nhân dân huyện Krông Nô để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người đúng tội, đúng pháp luật và giữ nguyên bản Cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 15/03/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế N, Nguyễn Châu Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 đến 12 tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/12/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế N

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế N 06 đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 07/02/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Châu Đ

Xử phạt bị Nguyễn Châu Đ từ 06 đến 09 tháng tù, được hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19/4/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Châu Đ cho Ủy ban nhân dân xã Nâm N'Đir, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại ông Trần Anh L yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng,

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Công an trả lại 02 (hai) bao cà phê nhân khô, có trọng lượng 114,2 kg, được đựng trong 02 bao màu xanh, cột miệng bằng dây nhựa màu xanh cho ông Trần Anh L là chủ sở hữu hợp pháp;

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu xám đen, hiệu Nokia, số IMEI: 356245/04/626411/6; 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia, số IMEI 1: 351288859153195, IMEI 2: 351288859653194;

Tịch thu tiêu huỷ SIM điện thoại số 0385743132 và số 0397571889.

Tai phiên tòa các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế N và Nguyễn Châu Đ là những người sấy cà phê thuê cho ông Trần Anh L tại lò sấy nhà ông L thuộc Thôn Nam H, xã N, huyện Krông Nô. Khoảng 19 giờ ngày 06/12/2021 khi Nguyễn Thế N đang sấy cà phê thì Nguyễn Văn H gọi điện thoại rủ Nguyễn Thế N trộm cắp cà phê nhân của ông L thì Nam đồng ý. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 07/12/2021, Nam gọi Đ dậy cùng Nam khiêng 02 (hai) bao cà phê nhân ra gốc cây xoài gần lò sấy, rồi H đến chở về nhà tại thôn Nam Thắng, xã Nam Đà, huyện Krông Nô. Đến 06 giờ sáng cùng ngày ông L phát hiện bị mất cà phê nên tra hỏi thì Nam gọi điện thoại báo cho H chở 02 bao cà phê vào trả cho ông L. Kết quả kiểm tra và định giá tài sản xác định, giá trị số cà phê bị H, Nam và Đ trộm cắp ngày 07/12/2021 là 3.888.550 đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

..."

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo H đã bị khởi tố hình sự trong vụ án khác và bị cáo Thế N bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm hành chính, tuy nhiên các bị cáo không chịu cảnh tỉnh lấy đó làm bài học cho mình, chỉ vì mục đích tư lợi muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, các bị cáo không chịu lao động chân chính mà bất chấp lao vào con đường phạm tội trộm cắp thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy cần xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, cụ thể như sau: Tại quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Thế N, Châu Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã trả lại chủ sở hữu nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i

khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tài sản các bị cáo trộm cắp đã trả lại cho chủ sở hữu và giá trị tài sản trộm cắp với số tiền 3.888.550 đồng là không lớn nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ gây thiệt hại không lớn quy định tại các điểm b, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo H, Đ có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tang nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo H, Thế N có nhân thân xấu đều bị xử lý hành vi hành chính với các hành vi vi phạm hành chính khác nhau.

[6] Về vai trò đồng phạm của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn nên cần xem xét tính chất, mức độ và vai trò tham gia của các bị cáo; HĐXX thấy đối với bị cáo H là người rủ rê, khởi xướng việc phạm tội, khi được bị cáo Thế N gọi thông báo đã trộm được cà phê thì bị cáo H đến chở cà phê trộm cắp về cất dấu tại nhà mình nên bị cáo phải chịu mức án cao hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo Thế N sau khi được bị cáo H rủ rê việc trộm cắp tài sản của ông L bị cáo đồng ý và là người thực hành tích cực như lấy bao hốt cà phê, mang đi cất dấu, gọi bị cáo H đến chở cà phê về cất dấu, bản thân bị cáo Thế N cũng đã có 01 tiền sự lẽ ra khi được bị cáo H rủ rê trộm cắp bị cáo phải ngăn cản nhưng vì bản chất lười lao động bị cáo đã bất chấp tất cả để phạm tôi. Đáng lẽ ra mức hình phạt của bị cáo phải thấp hơn bị cáo H nhưng do bị cáo là người thực hành tích cực, bản thân có tiền sự nên mức hình phạt bị cáo phải chịu ngang với bị cáo H. Đối với bị cáo Đ là người giữ vai trò thứ yếu khi được bị cáo Thế N nhờ giúp cùng bị cáo N mang cà phê trộm cắp từ nhà kho của ông L ra gốc cây cất dấu để bị cáo H đến chở về nhà cất dấu, mặc dù biết Thế N, H trộm cắp nhưng bị cáo vẫn giúp nên bị cáo giữ vai trò đồng phạm giúp sức vì vậy bị cáo phải chịu tội cùng với bị cáo H, bị cáo N, tuy nhiên mức mình phạt của bị cáo phải chịu thấp hơn bị cáo H, bị cáo N.

[7] Xét về mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Thế N, Nguyễn Châu Đ là phù hợp nên cần chấp nhận. Đối với mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Nguyễn Văn H từ 09 đến 12 tháng tù, HĐXX xét thấy mức đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo H là cao so với hành vi phạm tội của bị cáo lý do; tài sản do các bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn, ở mức khởi điểm đầu của cấu thành tội phạm (3.888.750 đồng), bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, vì vậy cần xử lý bị H thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới phù hợp.

[8]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo HĐXX, xét thấy cần cách ly các bị cáo H, Thế N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội biết tôn trọng pháp luật, đồng thời phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Đ sau khi phạm tội đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình đã gây ra, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình

sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự, sau khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, do đó đối với bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 về hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo Đ ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[9]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"* do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có tài sản, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trần Anh L yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng tuy nhiên trong vụ án này vật chứng là 02 bao cà phê nhân khô, có trọng lượng 114,2 kg đã được trả lại cho ông L, ông L khai ngoài mất số lượng cà phê như trên thì ông có nghi ngờ các bị cáo tiếp tục trộm của ông số lượng cà phê nhân tương đương số tiền 30.000.000 đồng, tuy nhiên ông không đưa ra được chứng cứ để chứng minh số cà phê theo ông khai bị mất là do các bị cáo lấy trộm nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông L, buộc các bị cáo phải bồi thường cho ông.

[11]. Xử lý vật chứng: Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng. Chấp nhận việc Công an trả lại 02 (hai) bao cà phê nhân khô, có trọng lượng 114,2 kg cho bị hại ông Trần Anh L là chủ sở hữu hợp pháp;

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu xám đen, hiệu Nokia, số IMEI: 356245/04/626411/6; 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia, số IMEI 1: 351288859153195, IMEI 2: 351288859653194;

Tịch thu tiêu huỷ SIM điện thoại số 0385743132 và số 0397571889.

[12]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế N, Nguyễn Châu Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Do yêu cầu của bị hại ông Trần Anh L yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng

không được Tòa án chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự đối với số tiền 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng, theo quy định của pháp luật.

[13]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế N, Nguyễn Châu Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07(bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/12/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế N

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế N 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 07/02/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị Nguyễn Châu Đ 06 (sáu) tháng tù, được hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19/4/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Châu Đ cho Ủy ban nhân dân xã Nâm N'Đir, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không chấp nhận yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng của bị hại đối với các bị cáo.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Công an trả lại 02 (hai) bao cà phê nhân khô, có trọng lượng 114,2 kg bị hại ông Trần Anh L là chủ sở hữu hợp pháp;

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu xám đen, hiệu Nokia, số IMEI: 356245/04/626411/6; 01 (một) điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia, số IMEI 1: 351288859153195, IMEI 2: 351288859653194;

- Tịch thu tiêu huỷ SIM điện thoại số 0385743132 và số 0397571889.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/03/2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về án phí Hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Thế N, Nguyễn Châu Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

+ Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc bị hại ông Trần Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

+ Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Sở tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện Krông Nô;
- Cơ quan THAHS-CA huyện Krông Nô;
- Chi cục THA.DS huyện Krông Nô;
- UBND xã Nâm N'Đir;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng